



TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## **BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH QTKD**

(Theo Quyết định số: 762/QĐ-ĐHTB, ngày 01 tháng 12 năm 2021 của  
Hiệu trưởng trường Đại học Thái Bình)

### **1. Một số thông tin chung về chương trình đào tạo**

Tên chương trình đào tạo bằng Tiếng Việt:	Quản trị kinh doanh
Tên chương trình đào tạo bằng Tiếng Anh:	Bussiness Administration
Ngành đào tạo:	Quản trị kinh doanh
Mã ngành:	7340101
Đơn vị cấp bằng:	Trường Đại học Thái Bình
Trình độ đào tạo:	Đại học
Hình thức đào tạo:	Chính qui
Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt
Văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Mã chương trình đào tạo:	7340101_2021
Thời gian đào tạo:	4 năm

### **2. Mục tiêu đào tạo**

#### **2.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; có khả năng vận dụng linh hoạt những kiến thức, kỹ năng cơ bản về kinh tế, quản trị trong lĩnh vực chuyên môn; có khả năng ra quyết định quản trị phù hợp trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; có khả năng tự khởi sự kinh doanh để tạo việc làm cho bản thân và người khác; có kỹ năng mềm và năng lực tự học tập bồi dưỡng suốt đời.

#### **2.2. Mục tiêu cụ thể**

Mục tiêu	Mô tả	Mã số
Về kiến thức	Có khả năng áp dụng các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, những nguyên lý cơ bản và công cụ trong phân tích kinh tế và kinh doanh, có hiểu biết về hệ thống pháp luật Việt Nam, an ninh quốc phòng để lý giải các vấn đề kinh tế - xã hội, kinh tế thị trường.	PG1
	Có khả năng vận dụng những kiến thức kinh tế và quản trị kinh doanh để tham gia vào việc phân tích, đánh giá và ra quyết định điều hành hoạt động của doanh nghiệp hoặc công việc kinh doanh của bản thân.	PG2
Về kỹ năng	Có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tốt, có năng lực học tập suốt đời	PG3
	Có khả năng thực hiện được các kỹ năng chuyên môn và kỹ năng bổ trợ phù hợp với các vị trí việc làm trong lĩnh	PG4

	vực quản trị kinh doanh	
Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm	Có khả năng làm việc độc lập, tự chủ và chịu trách nhiệm trong các công việc chuyên môn quản trị kinh doanh	PG5
	Có ý thức và trách nhiệm phục vụ cộng đồng và xã hội	PG6

### 3. Chuẩn đầu ra

TT	Mã số	Chuẩn đầu ra	Mức độ
I	PLO1	Kiến thức	
I.1	<i>PLO1.1</i>	<i>Kiến thức đại cương chính trị, tự nhiên, xã hội và luật pháp</i>	2/5
1	PLO1.1.1	Nắm vững và vận dụng các kiến thức cơ bản, hệ thống về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào phân tích, giải quyết các vấn đề chuyên môn và thực tiễn xã hội đặt ra.	2/5
2	PLO1.1.2	Vận dụng các kiến thức toán cao cấp cho các nhà kinh tế, toán chuyên đề (gồm lý thuyết xác suất thống kê, kinh tế lượng, toán kinh tế), tin học, ngoại ngữ vào học tập kiến thức ngành, chuyên ngành và giải quyết các vấn đề chuyên môn và thực tiễn xã hội đặt ra.	2/5
3	PLO1.1.3	Có kiến thức an ninh quốc phòng và kiến thức giáo dục thể chất để tự rèn luyện về thể chất.	2/5
I.2	<i>PLO1.2</i>	<i>Kiến thức chung của lĩnh vực ngành</i>	
4	PLO1.2.1	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về kinh tế học và các mô hình kinh tế chuyên sâu trong việc phân tích hành vi các chủ thể dưới sự tác động của yếu tố kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế, các chính sách và quyết định của Chính phủ, chủ thể kinh tế trong bối cảnh thực tiễn.	3/5
I.3	<i>PLO1.3</i>	<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>	3/5
5	PLO1.3.1	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về thị trường, tiền tệ, thuế luật kinh tế trong điều hành hoạt động quản trị trong lĩnh vực chuyên môn.	3/5
6	PLO1.3.2	Áp dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, kế toán vào hoạt động quản trị kinh doanh.	3/5
I.4	<i>PLO1.4</i>	<i>Kiến thức ngành Quản trị kinh doanh</i>	4/5
7	PLO1.4.1	Vận dụng sáng tạo kiến thức nguyên lý quản trị tổ chức và quản trị các nguồn lực trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp	4/5
8	PLO1.4.2	Vận dụng các kiến thức về kinh tế, thống kê, tài chính, ứng dụng tin học vào thực tiễn của doanh nghiệp.	4/5
I.5	<i>PLO1.5</i>	<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	

9	PLO1.5.1	* <i>Chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp</i> Vận dụng sáng tạo kiến thức về quản trị chiến lược, quản trị các lĩnh vực hoạt động vào thực tiễn của doanh nghiệp.	4/5
		<i>Kiến thức tốt nghiệp</i> Vận dụng kiến thức đã học, sinh viên thực hiện thực tập tốt nghiệp và hoàn thành báo cáo tốt nghiệp liên quan đến các vấn đề về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.	4/5
II	PLO2	Kỹ năng	
II.1	PLO2.1	<i>Kỹ năng chung</i>	3/5
10	PLO2.1.1	Thực hiện được các kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề về quản trị kinh doanh trong điều kiện hội nhập quốc tế.	
II.2	PLO2.2	<i>Kỹ năng nghề nghiệp</i>	3/5
11	PLO2.2.1	Thực hiện được các kỹ năng quản trị chiến lược kinh doanh và các kế hoạch tác nghiệp cơ bản trong bối cảnh môi trường kinh doanh biến động.	3/5
12	PLO2.2.2	Thực hiện được kỹ năng truyền đạt, thuyết trình, phản biện, bảo vệ quan điểm liên quan đến các vấn đề về quản trị kinh doanh; thích nghi tốt trong làm việc nhóm; xây dựng và thực hiện được kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh.	3/5
II.3	PLO2.3	<i>Kỹ năng bổ trợ</i>	3/5
13	PLO2.3.1	Đạt năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ dành cho Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT hoặc tương đương.	3/5
14	PLO2.3.2	Đạt năng lực chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.	3/5
III.	PLO3	Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm	3/5
15	PLO3.1	Có khả năng tự chủ học tập và làm việc độc lập, làm việc nhóm để giải quyết các vấn đề liên quan đến quản trị kinh doanh; Có khả năng lập kế hoạch, hướng dẫn, giám sát người khác làm việc	3/5
16	PLO3.2	Tuân thủ các chuẩn mực đạo đức kinh doanh	3/5

#### 4. Chuẩn đầu vào

Sinh viên tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, đảm bảo sức khỏe, đáp ứng quy định trong quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và quy định trong đề án tuyển sinh hàng năm của trường Đại học Thái Bình.

#### 5. Thang điểm/quy trình đào tạo/điều kiện tốt nghiệp

##### 5.1. Thang điểm

+ Điểm học phần sử dụng thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân và sau đó quy đổi thành thang điểm 4 và thang điểm chữ (Theo Điều 10, Quyết định số 426/QĐ-ĐHTB ngày 09/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình)

+ Điểm Trung bình chung (học kỳ, năm học, tích lũy): Tổng của tích các điểm chính thức của học phần ở thang điểm 4 nhân với số tín chỉ rồi chia cho tổng số tín chỉ của các học phần. Kết quả được làm tròn đến 2 chữ số thập phân (Theo Điều 13, Quyết định số 426/QĐ-ĐHTB ngày 09/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình)

### 5.2 Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo Thông tư số 08/2021/TT-BGD&ĐT ngày 18/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo và Quyết định số 426/QĐ-ĐHTB ngày 09/07/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình về quy chế đào tạo trình độ đại học.

## 6. Cấu trúc, nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

### 6.1. Khối kiến thức toàn khóa

130 tín chỉ (không bao gồm khối kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh).

### 6.2. Phân bổ khối lượng kiến thức toàn khóa

Kiến thức	Số TC		Số tín chỉ bắt buộc	Số tín chỉ tự chọn
	Tổng số	%		
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>33</b>	<b>25,4</b>	<b>26</b>	<b>7</b>
1.1. Kiến thức chung (10 học phần)	13	10,0	13	0
1.2. Kiến thức cơ bản (09 học phần)	20	15,4	13	7
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>85</b>	<b>65,4</b>	<b>70</b>	<b>15</b>
2.1. Kiến thức cơ sở ngành (11 học phần)	25	19,2	23	2
2.2. Kiến thức ngành (14 học phần)	27	20,8	22	5
2.3. Kiến thức chuyên ngành (17 học phần)	33	25,4	25	8
<b>3. Tốt nghiệp</b>	<b>12</b>	<b>9,2</b>	<b>12</b>	<b>0</b>
3.1. Thực tập cuối khóa	5	3,8	5	0
3.2. Khóa luận tốt nghiệp (03 học phần thay thế)	7	5,4	7	0
<b>Tổng</b>	<b>130</b>	<b>100</b>	<b>108</b>	<b>22</b>

### 6.3. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

STT/ Mã số HP	Học phần	Khối lượng kiến thức TS (LT/TH/T.học)	HK dự kiến	Mã HP tiên quyết
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>		<b>33</b>		
<b>1.1. Kiến thức chung</b>		<b>13</b>		
<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>13</b>		
0101002321	Triết học Mác-Lênin Marxist-Leninist Philosophy	3 (3,0,6)	I	
0101002322	Kinh tế chính trị Mác-Lênin Political economics of marxism and leninism	2 (2,0,4)	II	0101002321

STT/ Mã số HP	Học phần	Khối lượng kiến thức TS (LT/TH/T.học)	HK dự kiến	Mã HP tiên quyết
0101002323	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism	2 (2,0,4)	II	0101002321
0101002324	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of the Communist Party of Vietnam	2 (2,0,4)	III	
0101001701	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh's Ideology	2 (2,0,4)	III	
0101000994	Pháp luật đại cương Introduction to Law	2 (2,0,4)	I	
0101000436	Giáo dục thể chất 1 Physical education 1	1 (0,1,1)	I	
0101000447	Giáo dục thể chất 2 Physical education 2	1 (0,1,1)	II	
0101000460	Giáo dục thể chất 3 Physical education 3	1 (0,1,1)	III	
0101000388	Giáo dục quốc phòng Military Education	8 (5,3,13)		
<b>1.2. Kiến thức cơ bản</b>		<b>20</b>		
<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>13</b>		
0101002948	Toán cao cấp cho các nhà kinh tế Advanced Mathematics for Economists	3 (3,0,6)	I	
0101002339	Lý thuyết xác suất thống kê Statistical probability theory	2 (2,0,4)	II	
0101001566	Tin học đại cương Basic Informatics	2 (0,2,2)	I	
0101000619	Kinh tế vi mô Microeconomics	3 (3,0,6)	II	
0101000626	Kinh tế vĩ mô Macroeconomics	3 (3,0,6)	III	0101000619
<b>Học phần tự chọn (chọn 07 tín chỉ, chọn 1/2 ngoại ngữ)</b>		<b>7</b>		
0101001489	Tiếng Anh cơ bản 1 Basic English 1	3 (3,0,6)	I	
0101001897	Tiếng Nhật cơ bản 1 Japanese 1	3 (3,0,6)	I	
0101001508	Tiếng Anh cơ bản 2 Basic English 2	4 (4,0,8)	II	
0101001898	Tiếng Nhật cơ bản 2 Japanese 2	4 (4,0,8)	II	
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>85</b>		

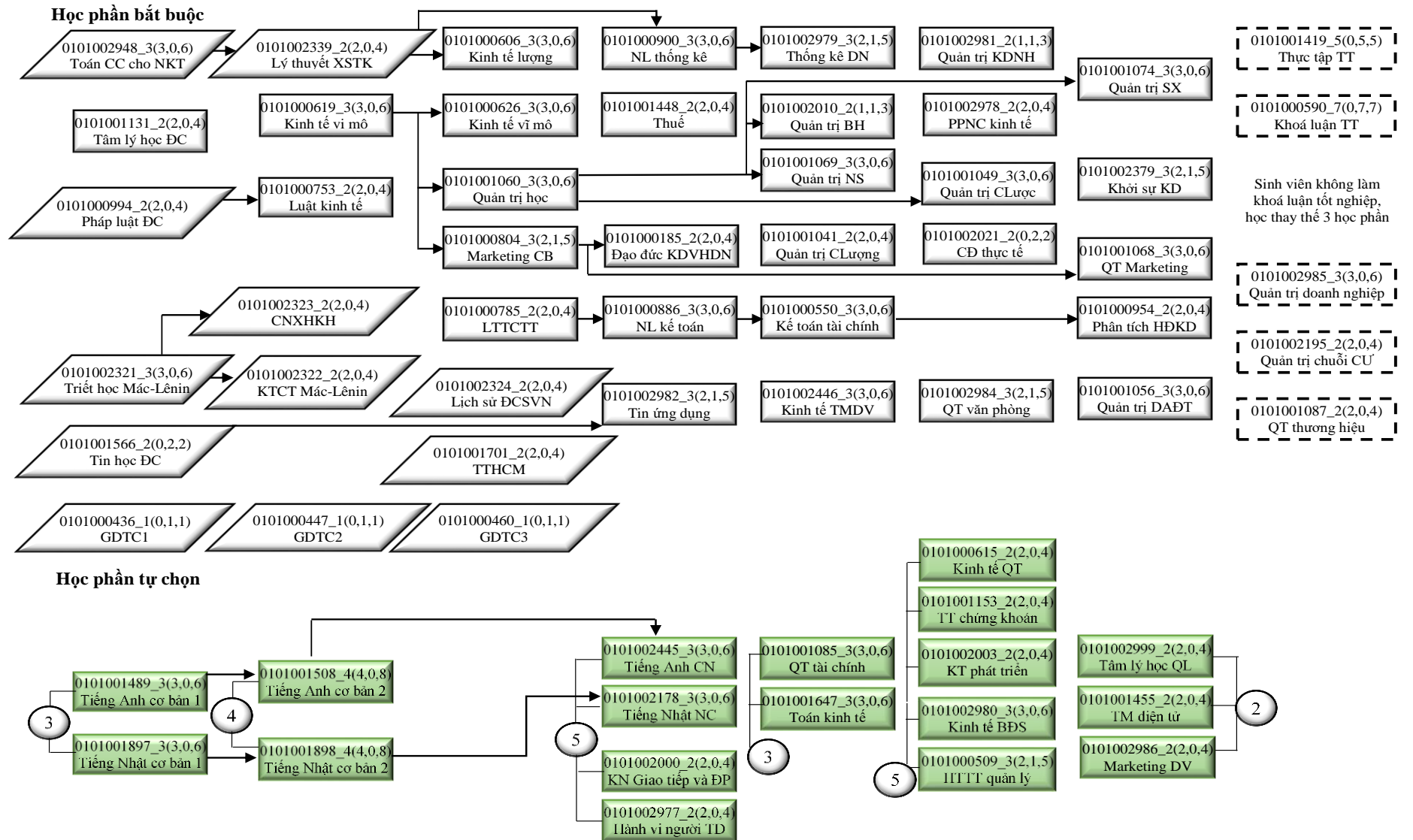
STT/ Mã số HP	Học phần	Khối lượng kiến thức TS (LT/TH/T.học)	HK dự kiến	Mã HP tiên quyết
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>		<b>25</b>		
<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>23</b>		
0101000804	Marketing căn bản Basic marketing	3 (2,1,5)	III	0101000619
0101001131	Tâm lý học đại cương General Psychology	2 (2,0,4)	I	
0101000606	Kinh tế lượng Econometrics	3 (3,0,6)	III	
0101000900	Nguyên lý thống kê Statistics Theory	3 (3,0,6)	IV	
0101000785	Lý thuyết tài chính tiền tệ Financial and monetary theory	2 (2,0,4)	III	
0101000753	Luật kinh tế Economic Law	2 (2,0,4)	II	0101000994
0101000886	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	3 (3,0,6)	IV	
0101001448	Thuế Tax	2 (2,0,4)	IV	
0101001060	Quản trị học Administration Science	3 (3,0,6)	III	0101000619
<b>Học phần tự chọn (chọn 02 tín chỉ)</b>		<b>2</b>		
0101002998	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán Communication and negotiation skills	2 (2,0,4)	IV	
0101002977	Hành vi người tiêu dùng Consumer behavior	2 (2,0,4)	IV	
<b>2.2. Kiến thức ngành Quản trị kinh doanh</b>		<b>27</b>		
<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>22</b>		
0101002446	Kinh tế thương mại dịch vụ Economic commerce service	3 (3,0,6)	V	0101000619
0101002444	Tin học ứng dụng ngành QTKD Applied Informatics in Business Administration	3 (2,1,5)	IV	
0101002978	Phương pháp nghiên cứu kinh tế Economic research methods	2 (2,0,4)	VI	
0101002984	Quản trị văn phòng Office administration	3 (2,1,5)	VI	
0101001056	Quản trị dự án đầu tư Investment Project Management	3 (3,0,6)	VII	0101000619
0101002379	Khởi sự kinh doanh Entrepreneurship hoặc starting a business	3 (2,1,5)	VII	

STT/ Mã số HP	Học phần	Khối lượng kiến thức TS (LT/TH/T.học)	HK dự kiến	Mã HP tiên quyết
0101002979	Thống kê doanh nghiệp Economic statistics	3 (2,1,5)	V	0101000900
0101000185	Đạo đức kinh doanh và Văn hóa doanh nghiệp Business ethics and corporate culture	2 (2,0,4)	IV	
<b>Học phần tự chọn (chọn 05 tín chỉ)</b>		<b>5</b>		
0101001647	Toán kinh tế Mathematical Economics	3 (3,0,6)	V	
0101001085	Quản trị tài chính Financial Administration	3 (3,0,6)	V	
0101001153	Thị trường chứng khoán Stock Market	2 (2,0,4)	VI	
0101000615	Kinh tế quốc tế International Economics	2 (2,0,4)	VI	
0101002003	Kinh tế phát triển Development economics	2 (2,0,4)	VI	
<b>2.3. Kiến thức chuyên ngành</b>		<b>33</b>		
<b>2.3.1. Chuyên ngành Quản trị kinh doanh TH</b>				
<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>25</b>		
0101002981	Quản trị kinh doanh nhà hàng Restaurant business administration	2 (1,1,3)	VI	
0101001049	Quản trị chiến lược Strategic management	3 (3,0,6)	VI	0101001060
0101001069	Quản trị nhân sự Human resources management	3 (3,0,6)	V	0101001060
0101002010	Quản trị bán hàng Sales manager	2 (1,1,3)	V	0101001060
0101001074	Quản trị sản xuất Production Management	3 (3,0,6)	VII	
0101001068	Quản trị Marketing Marketing Management	3 (3,0,6)	VII	0101000804
0101001041	Quản trị chất lượng Quality Management	2 (2,0,4)	V	
0101000954	Phân tích hoạt động kinh doanh Business Operations Analysis	2 (2,0,4)	VII	0101000785
0101000550	Kế toán tài chính Financial accounting	3 (3,0,6)	V	0101000886
0101002021	Chuyên đề thực tế Practical topics	2 (0,2,2)	VI	
<b>Học phần tự chọn (chọn 08 tín chỉ trong đó gồm 3 tín chỉ ngoại ngữ)</b>		<b>8</b>		

<b>STT/ Mã số HP</b>	<b>Học phần</b>	<b>Khối lượng kiến thức TS (LT/TH/T.học)</b>	<b>HK dự kiến</b>	<b>Mã HP tiên quyết</b>
0101002445	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD English for Business Administration	3 (3,0,6)	IV	
0101002178	Tiếng Nhật nâng cao Advanced Japanese	3 (3,0,6)	IV	
0101000509	Hệ thống thông tin quản lý Management Information System	3 (2,1,5)	VI	
0101002980	Kinh tế bất động sản Real estate economics	3 (3,0,6)	VI	
0101002999	Tâm lý quản lý Psychological Management	2 (2,0,4)	VII	
0101001455	Thương mại điện tử Ecommerce	2 (2,0,4)	VII	
0101002986	Marketing dịch vụ Service marketing	2 (2,0,4)	VII	
<b>3. Tốt nghiệp</b>		<b>12</b>		
<b>3.1. Thực tập tốt nghiệp</b>		<b>5</b>		
0101001419	Thực tập tốt nghiệp Graduation internship	5 (0,5,5)	VIII	
<b>3.2. Khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>7</b>		
0101000590	Khóa luận tốt nghiệp Graduation thesis	7 (0,7,7)	VIII	
<b>3.3. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>7</b>		
<b>3.3.1. Chuyên ngành Quản trị kinh doanh TH</b>				
0101002985	Quản trị doanh nghiệp Corporate management	3 (3,0,6)	VIII	0101001060
0101002195	Quản trị chuỗi cung ứng Supply Chain Management	2 (2,0,4)	VIII	01010010600 101000804
0101001087	Quản trị thương hiệu Brand management	2 (2,0,4)	VIII	01010010600 101000804
<b>Tổng</b>		<b>130</b>		



### 6.4. Tiến trình đào tạo



**7. Ma trận liên kết các học phần và chuẩn đầu ra**

**7.1. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và CDR của CTĐT**

CDR của CTĐT	Mã số	Mục tiêu đào tạo					
		PG1	PG2	PG3	PG4	PG5	PG6
Kiến thức	PLO1.1.1	2/5					
	PLO1.1.2	2/5					
	PLO1.1.3	2/5					
	PLO1.2.1	2/5					
	PLO1.3.1		3/5				
	PLO1.3.2		3/5				
	PLO1.4.1		4/5				
	PLO1.4.2		4/5				
	PLO1.5.1		4/5				
Kỹ năng	PLO2.1.1				3/5		
	PLO2.2.1			3/5			
	PLO2.2.2			3/5	3/5		
	PLO2.3.1			3/5	3/5		
	PLO2.3.2			3/5	3/5		
Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm	PLO3.1					3/5	
	PLO3.2						3/5

## 7.2. Ma trận mối quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra

CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO		Số TC	CHUẨN ĐẦU RA CTĐT (PLO)																
			Kiến thức (PLO1)									Kỹ năng (PLO2)					Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm (PLO3)		
			PLO1.1.1	PLO1.1.2	PLO1.1.3	PLO1.2.1	PLO1.3.1	PLO1.3.2	PLO1.4.1	PLO1.4.2	PLO1.5.1	PLO1.5.2	PLO2.1.1	PLO2.2.1	PLO2.2.2	PLO2.3.1	PLO2.3.2	PLO3.1	PLO3.2
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>			1	2	3	4	5	6	7		8	9	10	11	12	13	14	15	16
<b>1.1. Khối kiến thức chung</b>																			
<b>1.1.1. Các học phần bắt buộc</b>																			
0101002321	Triết học Mác-Lênin Marxist-Leninist Philosophy	3 (3,0,6)	2/5										3/5					3/5	3/5
0101002322	Kinh tế chính trị Mác-Lênin Political economics of marxism and leninism	2 (2,0,4)	2/5										3/5					3/5	3/5
0101002323	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism	2 (2,0,4)	2/5										3/5					3/5	3/5
0101002324	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of the Communist Party of Vietnam	2 (2,0,4)	2/5										3/5					3/5	3/5
0101001701	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh's Ideology	2 (2,0,4)	2/5										3/5					3/5	3/5
0101000994	Pháp luật đại cương Introduction to Law	2 (2,0,4)	2/5											3/5	3/5			3/5	3/5
0101000436	Giáo dục thể chất 1 Physical education 1	1 (0,1,1)	2/5										2/5						2/5
0101000447	Giáo dục thể chất 2 Physical education 2	1 (0,1,1)	2/5										2/5						2/5
0101000460	Giáo dục thể chất 3 Physical education 3	1 (0,1,1)	2/5										2/5						2/5
0101000388	Giáo dục quốc phòng Military Education	8 (5,3,13)			3/5								3/5					3/5	3/5



CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO		Số TC	CHUẨN ĐẦU RA CTĐT (PLO)																	
			Kiến thức (PLO1)									Kỹ năng (PLO2)					Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm (PLO3)			
			PLO1.1.1	PLO1.1.2	PLO1.1.3	PLO1.2.1	PLO1.3.1	PLO1.3.2	PLO1.4.1	PLO1.4.2	PLO1.5.1	PLO1.5.2	PLO2.1.1	PLO2.2.1	PLO2.2.2	PLO2.3.1	PLO2.3.2	PLO3.1	PLO3.2	
0101000804	Marketing căn bản Basic marketing	3 (2,1,5)				4/5	4/5							3/5		3/5		3/5	3/5	3/5
0101001131	Tâm lý học đại cương General Psychology	2 (2,0,4)					3/5	3/5						3/5					3/5	
0101000606	Kinh tế lượng Econometrics	3 (3,0,6)		2/5										2/5					3/5	3/5
0101000900	Nguyên lý thống kê Statistics Theory	3 (3,0,6)								3/5				3/5					3/5	3/5
0101000785	Lý thuyết tài chính tiền tệ Financial and monetary theory	2 (2,0,4)							3/5										3/5	
0101000753	Luật kinh tế Economic Law	2 (2,0,4)				3/5								3/5			3/5	3/5	3/5	3/5
vtl0101000886	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	3 (3,0,6)						3/5						3/5					3/5	
0101001448	Thuế Tax	2 (2,0,4)							4/5					3/5	3/5					3/5
0101001060	Quản trị học Administration Science	3 (3,0,6)					3/5							3/5	3/5	3/5			3/5	3/5
<b>2.1.2. Các học phần tự chọn</b>																				
0101002998	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán Communication and negotiation skills	2 (2,0,4)					3/5							3/5	3/5				3/5	3/5
0101002977	Hành vi người tiêu dùng Consumer behavior	2 (2,0,4)					3/5	3/5						3/5	3/5				3/5	3/5
<b>2.2. Kiến thức ngành Quản trị kinh doanh</b>																				
<b>2.2.1. Học phần bắt buộc</b>																				
0101002446	Kinh tế thương mại dịch vụ Economic commerce service	3 (3,0,6)		4/5			4/5	4/5	4/5	4/5				4/5	4/5	4/5			4/5	4/5

CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO		Số TC	CHUẨN ĐẦU RA CTĐT (PLO)															
			Kiến thức (PLO1)									Kỹ năng (PLO2)					Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm (PLO3)	
			PLO1.1.1	PLO1.1.2	PLO1.1.3	PLO1.2.1	PLO1.3.1	PLO1.3.2	PLO1.4.1	PLO1.4.2	PLO1.5.1	PLO1.5.2	PLO2.1.1	PLO2.2.1	PLO2.2.2	PLO2.3.1	PLO2.3.2	PLO3.1
0101002444	Tin học ứng dụng ngành QTKD Applied Informatics in Business Administration	3 (2,1,5)							3/5						3/5		3/5	3/5
0101002978	Phương pháp nghiên cứu kinh tế Economic research methods	2 (2,0,4)	4/5															4/5
0101002984	Quản trị văn phòng Office administration	3 (2,1,5)						3/5				3/5	3/5	3/5			3/5	3/5
0101001056	Quản trị dự án đầu tư Investment Project Management	3 (3,0,6)		3/5			3/5	3/5	3/5			3/5	3/5	3/5			3/5	3/5
0101002379	Khởi sự kinh doanh Entrepreneurship hoặc starting a business	3 (2,1,5)				4/5	4/5	4/5	4/5								4/5	4/5
0101002979	Thông kê doanh nghiệp Economic statistics	3 (2,1,5)		3/5			3/5	3/5	3/5			3/5	3/5	3/5			3/5	3/5
0101000185	Đạo đức kinh doanh và Văn hóa doanh nghiệp Business ethics and corporate culture	2 (2,0,4)			3/5	3/5		3/5				3/5	3/5	3/5			3/5	3/5
<b>2.2.2. Các học phần tự chọn</b>																		
0101001647	Toán kinh tế Mathematical Economics	3 (3,0,6)		2/5								3/5					3/5	3/5
0101001085	Quản trị tài chính Financial Administration	3 (3,0,6)							4/5				4/5				3/5	3/5
0101001153	Thị trường chứng khoán Stock Market	2 (2,0,4)							4/5			4/5					3/5	3/5
0101000615	Kinh tế quốc tế International Economics	2 (2,0,4)		4/5			4/5	4/5	4/5				4/5	4/5			4/5	4/5







CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO		Số TC	CHUẨN ĐẦU RA CTĐT (PLO)															
			Kiến thức (PLO1)									Kỹ năng (PLO2)					Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm (PLO3)	
			PLO1.1.1	PLO1.1.2	PLO1.1.3	PLO1.2.1	PLO1.3.1	PLO1.3.2	PLO1.4.1	PLO1.4.2	PLO1.5.1	PLO1.5.2	PLO2.1.1	PLO2.2.1	PLO2.2.2	PLO2.3.1	PLO2.3.2	PLO3.1
0101002195	Quản trị chuỗi cung ứng Supply Chain Management	2 (2,0,4)				4/5												4/5
0101001087	Quản trị thương hiệu Brand management	2 (2,0,4)								4/5		4/5	4/5	4/5			4/5	4/5

## **10. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN**

### **10.1. Triết học Mác-Lênin**

Đây là học phần bắt buộc thuộc nhóm học phần đại cương cho sinh viên toàn trường. Học phần này được kết cấu gồm 03 chương, trong đó: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội; Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người.

### **10.2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin**

Đây là học phần bắt buộc thuộc nhóm học phần đại cương cho sinh viên toàn trường. Học phần này được kết cấu gồm 06 chương, trong đó: Chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác-Lênin; từ Chương 2 đến Chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác-Lênin theo mục tiêu môn học. Cụ thể, gồm các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

### **10.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Đây là học phần bắt buộc thuộc nhóm học phần đại cương cho sinh viên toàn trường. Học phần này được kết cấu gồm 07 chương, trong đó: Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học); từ Chương 2 đến Chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học, bao gồm: Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc, tôn giáo và gia đình thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

### **10.4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

Đây là học phần bắt buộc thuộc nhóm học phần đại cương cho sinh viên toàn trường. Học phần này được kết cấu gồm 03 Chương và phần Kết luận, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay).

### **10.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Đây là học phần bắt buộc thuộc nhóm học phần đại cương cho sinh viên toàn trường. Học phần này được kết cấu gồm 06 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người.

### **10.6. Pháp luật đại cương**

Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương thuộc chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về tất cả những vấn đề của nhà nước và pháp luật. Nội dung của học phần được thiết kế thành tám chương; từ chương 1 đến Chương 4 chủ yếu của học phần này gồm các vấn đề: nguồn gốc, bản chất, chức năng, bộ máy, hình thức của nhà nước; nhà nước trong hệ thống

chính trị; nhà nước pháp quyền; nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức của pháp luật; quy phạm pháp luật; hệ thống pháp luật; quan hệ pháp luật; thực hiện pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; ý thức pháp luật; pháp chế. Từ Chương 5 đến Chương 8 về khái niệm và nội dung của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế.

### **10.7. Giáo dục thể chất 1**

Trang bị cho người học hiểu biết về vị trí, vai trò của thể dục, thể thao đối với con người và xã hội; nắm được kiến thức cơ bản, kỹ năng thực hành các môn Thể dục phát triển chung, điền kinh, bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông, nhằm bảo vệ và tăng cường sức khỏe, nâng cao thể chất, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện cho sinh viên.

### **10.8. Giáo dục thể chất 2**

Trang bị cho người học hiểu biết về vị trí, vai trò của thể dục, thể thao đối với con người và xã hội; nắm được kiến thức cơ bản, kỹ năng thực hành các môn Thể dục phát triển chung, điền kinh, bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông, nhằm bảo vệ và tăng cường sức khỏe, nâng cao thể chất, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện cho sinh viên.

### **10.9. Giáo dục thể chất 3**

Trang bị cho người học hiểu biết về vị trí, vai trò của thể dục, thể thao đối với con người và xã hội; nắm được kiến thức cơ bản, kỹ năng thực hành các môn Thể dục phát triển chung, điền kinh, bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông, nhằm bảo vệ và tăng cường sức khỏe, nâng cao thể chất, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện cho sinh viên.

### **10.10. Giáo dục quốc phòng**

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đường lối quân sự, công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước; những kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và làm nghĩa vụ quân sự, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

### **10.11. Toán cao cấp cho các nhà kinh tế**

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của Toán cao cấp để ứng dụng trong thực tiễn cuộc sống nghề nghiệp và học tập các môn học khác như hệ thống các kiến thức cơ bản về phép tính tích phân và vi phân hàm một biến số; giải tích 2 biến, cực trị, lý thuyết phương trình vi phân (cấp 1,2); một số vấn đề về đại số tuyến tính như: không gian véc tơ, định thức - ma trận,...

### **10.12. Lý thuyết xác suất và thống kê**

Học phần Lý thuyết xác suất và thống kê được kết cấu thành hai phần tương đối độc lập về cấu trúc, nhưng liên quan chặt chẽ về nội dung:

– Phần Lý thuyết xác suất giới thiệu tính quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên qua hai khái niệm cơ bản là biến cố ngẫu nhiên và đại lượng ngẫu nhiên.

– Phần Thống kê toán bao gồm các nội dung: cơ sở lý thuyết về điều tra chọn mẫu- một phương pháp được dùng khá phổ biến trong điều tra, khảo sát các dữ liệu kinh tế và điều tra xã hội học; các phương pháp ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng.

Học phần trang bị những kiến thức giúp sinh viên có thể giải được những bài toán liên quan đến Lý thuyết xác suất và thống kê toán phát sinh trong cuộc sống nói chung và trong kinh tế, kỹ thuật nói riêng. Đồng thời với những kiến thức được trang bị này sinh viên có thể tiếp thu được các môn học sau này như: Kinh tế lượng, Toán kinh tế, Lý thuyết thống kê, Dự báo kinh tế, Marketing,...Có thể nói, đây là môn học bản lề gắn kết các môn khoa học cơ bản với các môn khoa học, công nghệ thông tin, kỹ thuật và kinh tế.

### **10.13. Tin học đại cương**

Học phần “Tin học đại cương” gồm 4 chương (2 tín chỉ thực hành), nhằm trang bị cho sinh viên các thao tác cơ bản trên hệ điều hành Windows; các thao tác soạn thảo và định dạng văn bản từ cơ bản đến nâng cao trên Microsoft Word 2013; các thao tác soạn thảo và trình bày các báo cáo trên Microsoft Powerpoint 2013; biết cách khai thác và sử dụng Internet.

### **10.14. Kinh tế vi mô**

Học phần kinh tế vi mô trang bị cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về kinh tế học vi mô xét trên góc độ phân tích thị trường và hành vi của người tiêu dùng, hành vi của doanh nghiệp tham gia trên các thị trường đầu vào và đầu ra, vai trò của Chính phủ nhằm điều tiết thị trường. Học phần cung cấp cho sinh viên về các vấn đề kinh tế cơ bản như (1) Cung - Cầu hàng hóa, (2) Lý thuyết hành vi người tiêu dùng, (3) Lý thuyết hành vi của doanh nghiệp, (4) Cấu trúc thị trường, (5) Thị trường lao động, (6) Những thất bại của thị trường và vai trò của Chính phủ trong việc điều tiết thị trường; từ đó giúp sinh viên giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tế.

### **10.15. Kinh tế vĩ mô**

Học phần Kinh tế vĩ mô thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo ngành quản trị kinh doanh. Học phần kinh tế vĩ mô nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự vận động của các biến số kinh tế vĩ mô. Rèn luyện cho sinh viên khả năng phân tích lý thuyết và nhận biết định lượng về sự biến động của các hiện tượng này và quá trình biến đổi kinh tế trong một nền kinh tế thị trường. Học phần sẽ trang bị những kiến thức cơ bản về chính sách vĩ mô của nhà nước. Giúp sinh viên hiểu và vận dụng được vào việc phân tích sự biến động của nền kinh tế Việt Nam và trên thế giới.

### **10.16. Tiếng Anh cơ bản 1**

Học Phần Tiếng Anh Cơ bản 1 - Basic English 1 thuộc khối Kiến thức chung gồm 3 tín chỉ được dạy vào học kỳ I cho sinh viên năm nhất hệ đại học chính quy ngành Quản trị kinh doanh

Học phần Tiếng Anh Cơ bản 1 cung cấp cho sinh viên

+ hệ thống kiến thức về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp cơ bản theo 5 chủ đề: giao tiếp thông dụng, du lịch, tiền tệ, đời sống xã hội và việc làm.

+ các bài học và cơ hội thực hành kỹ năng nghe, nói, đọc hiểu và viết về các chủ đề nêu trên, hướng tới đạt được trình độ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam

Với mục đích cho sinh viên khi hoàn thành học phần có kiến thức nền tảng và kỹ năng để

+ tự tin giao tiếp bằng tiếng Anh trong các tình huống đời thường

+ nghe hiểu được các bài giảng trong học phần Tiếng Anh cơ bản 2 và tiếng Anh chuyên ngành.

### **10.17. Tiếng Nhật cơ bản 1**

- Học phần gồm những kiến thức cơ bản về chữ viết (nhập môn Kana): Bảng chữ Hiragana và Katakana, các ghép âm, âm ngắt, trường âm, thể khẳng định, phủ định, nghi vấn của -desu; trợ từ -wa, -mo, -no; các đại từ chỉ định cùng với các cụm từ chào hỏi, làm quen, giới thiệu bản thân, danh từ chỉ nghề nghiệp, quốc tịch, đồ vật, số đếm, đồng thời học phần cung cấp các bài tập luyện kỹ năng nghe, nói, đọc, viết theo các chủ đề bài học.

### **10.18. Tiếng Anh cơ bản 2**

Học phần Tiếng Anh cơ bản 2 (Basic English 2) gồm 4 tín chỉ được dạy vào học kỳ II cho sinh viên năm nhất bậc đại học. Học phần Tiếng Anh cơ bản 2 cung cấp cho sinh viên:

- Hệ thống kiến thức về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp cơ bản theo 5 chủ đề: Các vấn đề trong cuộc sống và lời khuyên ; Sự thay đổi; Văn hóa; Thành tựu; Các giá trị; Các khám phá và phát minh; Nhân vật

- Các bài học giúp phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc hiểu và viết về các chủ đề nêu trên, hướng tới đạt được trình độ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.

Học phần Tiếng Anh cơ bản 2 cung cấp kiến thức, kỹ năng nền tảng và là điều kiện tiên quyết cho sinh viên học tiếp học phần Tiếng Anh chuyên ngành.

### **10.19. Tiếng Nhật cơ bản 2**

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Chữ Kanji thường dùng.

- Ngữ pháp: Cách biến đổi danh từ, tính từ hiện tại và quá khứ, cấu trúc so sánh của tính từ, cách sử dụng trợ từ, lượng từ chỉ vị trí, cách sử dụng động từ di chuyển, phương hướng, tặng, nhận, cho vay, động từ i ru, a ru.

- Từ vựng: Chủ đề về mua sắm, gia đình, ẩm thực, giải trí, âm nhạc, thể thao, thời tiết, cảm xúc, lễ hội, địa danh

- Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết về sở thích, giải thích lý do, mô tả sự sở hữu, tồn tại của người hoặc vật, so sánh, đếm đồ vật và các hoạt động thường ngày của bản thân và đối tượng giao tiếp.

### **10.20. Marketing căn bản**

Marketing căn bản là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh. Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về marketing, vai trò của marketing trong tổ chức, những nội dung cơ bản của marketing như môi trường marketing, thị trường và hành vi mua của khách hàng, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường cũng như các chính sách liên quan đến bốn công cụ marketing điển hình trong lĩnh vực kinh doanh vật chất như: sản phẩm, giá, phân phối và xúc tiến. Học phần được xem là nền tảng, giúp hỗ trợ cho việc học các học phần chuyên sâu của marketing.

### **10.21. Tâm lý học đại cương**

Học phần Tâm lý học đại cương là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Quản trị kinh doanh. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về tâm lý người. Phân tích được bản chất hiện tượng tâm lý người, phân loại các hiện tượng tâm lý. Phân tích được các quá trình nhận thức cảm tính, nhận thức lý tính và vai trò của nó trong hoạt động thực tiễn; phân tích được bản chất và sự hình thành, phát triển tâm lý, ý thức. Phân tích được bản chất nhân cách, chỉ ra được các con đường hình thành, phát triển nhân cách của cá nhân. Xác định được các loại sai lệch hành vi cá nhân, nguyên nhân và các biện pháp khắc phục chúng.

Hình thành và phát triển khả năng tư duy, rèn luyện trí nhớ, trí tuệ cảm xúc và tính sáng tạo. Đồng thời giúp cho người học hình thành những phẩm chất nhân cách là cơ sở để họ có thể giải quyết các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp sau này.

### **10.22. Kinh tế lượng**

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về:

#### **1. Lý thuyết**

1.1. Mở đầu về kinh tế lượng

1.2. Mô hình hồi quy đơn:

1.3. Mô hình hồi quy bội:

1.4. Hồi quy với biến giả

1.5. Khuyết tật hồi quy (Đa cộng tuyến, Phương sai của sai số, Tự tương quan)

1.6. Chỉ định và kiểm định mô hình

#### **2. Thực hành**

2.1. Phần mềm Excel

2.2. Phần mềm Eviews 8.0

### **10.23. Nguyên lý thống kê**

Là môn khoa học xã hội, cung cấp kiến thức cơ sở ngành nghiên cứu mặt lượng trong sự liên hệ mật thiết với mặt chất của các hiện tượng và quá trình kinh tế- xã hội số lớn phát sinh trong những điều kiện lịch sử nhất định.

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trang bị cho sinh viên hệ thống các phương pháp chuyên môn của thống kê (phương pháp quan sát số lớn, phương pháp số tuyệt đối, tương đối, bình quân, chỉ số...), nhằm thu thập số liệu, tính toán tổng hợp số liệu, phân tích, đánh giá các số liệu đó trong điều kiện thời gian và không gian nhất định nhằm chỉ ra bản chất, tính quy luật và dự báo các mức độ của các hiện tượng trong tương lai. Việc hiểu và vận dụng tốt lý thuyết thống kê sẽ là nền tảng khoa học để tiếp tục học tập, nghiên cứu sâu hơn các môn học khác thuộc chuyên ngành

### **10.24. Lý thuyết tài chính tiền tệ**

Học phần gồm 7 chương cung cấp cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về tài chính, về các khâu cơ bản trong hệ thống tài chính ở Việt Nam: tài chính công, tài chính doanh nghiệp, tài chính hộ gia đình, tài chính quốc tế, tín dụng, các tổ chức trung gian tài

chính và thị trường tài chính. Khái niệm về rủi ro, quy trình quản lý rủi ro tài chính. Từ đó sinh viên nhận thức được vai trò của từng khâu tài chính, mối quan hệ giữa các khâu tài chính.

### **10.25. Luật kinh tế**

Luật Kinh tế là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo cử nhân Kế toán. Học phần Luật Kinh tế được kết cấu thành 05 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và tổng quát nhất về Luật Kinh tế như: lý luận chung về Luật kinh tế, pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh, phá sản và pháp luật về phá sản, pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh.

### **10.26. Nguyên lý kế toán**

Học phần Nguyên lý kế toán gồm 8 chương, trang bị những kiến thức cơ bản về nguyên lý kế toán, bao gồm: Tổng quan về kế toán, phương pháp chứng từ kế toán, phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá, kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu, phương pháp tổng hợp – cân đối kế toán, sổ kế toán và hình thức sổ kế toán, tổ chức bộ máy kế toán. Những kiến thức nền tảng kế toán của học phần giúp cho người học có thể tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về kế toán kiểm toán, đồng thời có thể vận dụng để hỗ trợ các lĩnh vực chuyên môn thuộc khối ngành kinh tế.

### **10.27. Thuế**

Học phần trang bị kiến thức cơ bản về hệ thống thuế Việt Nam hiện hành và chính sách thuế áp dụng cho mọi đối tượng, bao gồm: Khái niệm về thuế, các cách phân loại thuế, đặc tính từng loại thuế, ảnh hưởng của thuế đến hoạt động của nền kinh tế và của các doanh nghiệp, nội dung và phương pháp tính toán các khoản thuế (thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân,...) trong hệ thống hiện hành (đăng ký, kê khai, điều chỉnh, quyết toán và hoàn thuế).

### **10.28. Quản trị học**

Là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành quản trị kinh doanh. Đây là học phần tiên quyết của các học phần khác về quản trị như Quản trị chiến lược, Quản trị nhân sự, Quản trị marketing, Quản trị chuỗi cung ứng...

Học phần Quản trị học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về quản trị như: Tổng quan về quản trị, môi trường quản trị, các chức năng của quản trị (hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra...) làm cơ sở cho sinh viên học tập nghiên cứu những môn quản trị cụ thể. Đồng thời học phần này còn giới thiệu để người học làm quen với các khái niệm mới của quản trị hiện đại, lý thuyết và kinh nghiệm được vận dụng để xử lý các trường hợp quản trị điển hình.

### **10.29. Kỹ năng giao tiếp và đàm phán**

Học phần Kỹ năng giao tiếp và đàm phán là học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở ngành Kinh tế nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đàm phán trong tổ chức kinh tế như: Kỹ năng lắng nghe một cách hiệu quả, kỹ năng viết, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp nội bộ và giao tiếp với khách hàng, kỹ năng đàm phán thương lượng... Học phần còn cung cấp những kỹ năng tổ chức hội họp và làm việc nhóm để sinh viên có khả năng áp dụng vào những tình huống hoạt động kinh tế khác nhau trong thực tế.

### **10.30. Hành vi người tiêu dùng**

Là học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho sinh viên những các lý thuyết khoa học về hành vi khách hàng, các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi khách hàng, hành vi khách hàng trước, trong và sau khi mua sắm. Nghiên cứu những nhóm yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến hành vi người tiêu dùng trong quá trình mua sắm và sử dụng sản phẩm. Trên cơ sở đó ứng dụng những hiểu biết hành vi người tiêu dùng vào quá trình xây dựng các chiến lược marketing tương ứng.

### **10.31. Kinh tế thương mại dịch vụ**

Đây là học phần bắt buộc cho khối kiến thức bổ trợ ngành trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về kinh tế thương mại dịch vụ: khái niệm, phạm trù, nguyên lý, những quy luật là những vấn đề chung và có tính phổ biến, các vấn đề kinh tế cơ bản, bản chất của kinh tế thương mại dịch vụ, các lý thuyết về lợi thế so sánh, chức năng và các tác động

của thương mại, thương mại hàng hoá, thương mại dịch vụ và nghiên cứu những vấn đề cơ bản nhất và đặc thù của kinh tế thương mại Việt Nam trong giai đoạn chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

### **10.32. Tin học ứng dụng ngành QTKD**

Học phần “Tin học ứng dụng” là học phần giảng dạy trong năm học thứ ba, nằm trong khối kiến thức bổ trợ cho sinh viên khối ngành kế toán, quản trị kinh doanh, tài chính ngân hàng và kinh tế. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ bảng tính Microsoft Excel và ứng dụng của nó trong ngành học. Nội dung học phần gồm: Hệ thống những kiến thức cơ bản của Microsoft Excel, các hàm thông dụng của Microsoft Excel, sử dụng một số hàm và công cụ của Microsoft Excel để hỗ trợ giải quyết các bài toán về quản lý kinh tế. Học phần cũng giúp sinh viên có công cụ để minh họa rõ hơn những kiến thức của các học phần ngành kinh tế, quản trị kinh doanh.

### **10.33. Phương pháp nghiên cứu kinh tế**

Học phần cung cấp những kỹ năng thiết yếu mà sinh viên ngành Kinh tế cần có đó là khả năng phân tích vấn đề và cách thức giải quyết vấn đề về kinh tế. Học phần phương pháp nghiên cứu kinh tế giúp sinh viên nhận dạng, xây dựng và phát triển vấn đề nghiên cứu thiết kế một khung nghiên cứu để giải quyết vấn đề đó, chuyển vấn đề thành câu hỏi nghiên cứu, thu thập và phân tích số liệu để trả lời câu hỏi nghiên cứu và cuối cùng là viết báo cáo nghiên cứu. Sinh viên được học nhiều cách thức khác nhau để tiến hành nghiên cứu và cách thức nghiên cứu sẽ ảnh hưởng đến cách thức giải quyết vấn đề.

Học phần phương pháp nghiên cứu kinh tế thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo ngành kinh tế. Đây là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành trên. Trên cơ sở các kiến thức căn bản của học phần, sinh viên sẽ tiếp cận được kiến thức của các học phần khác trong chương trình đào tạo ở năm thứ 2,3,4.

### **10.34. Quản trị văn phòng**

Là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các công việc liên quan tới văn phòng và tổ chức kiểm tra công việc văn phòng. Giúp cho sinh viên có cái nhìn tổng quát về công việc văn phòng trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh. Đồng thời học phần cũng cung cấp những kiến thức cơ bản trong soạn thảo và ban hành một số loại văn bản thông dụng trong tổ chức như: thông báo, tờ trình, báo cáo, công văn....

### **10.35. Quản trị dự án đầu tư**

Học phần này gồm các nội dung về dự án đầu tư như tổng quan về dự án đầu tư; quá trình lập một dự án đầu tư (phân tích kỹ thuật công nghệ, phân tích tài chính, phân tích kinh tế - xã hội và môi trường của dự án đầu tư). Thẩm định một dự án đầu tư (cơ sở pháp lý, phương pháp và kỹ thuật thẩm định). Quản lý dự án đầu tư (nội dung, phương pháp, quản lý thời gian, tiến độ, phân phối nguồn lực, quản lý chất lượng và rủi ro của dự án..)

Học phần Quản trị dự án thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh. Đây là học phần bắt buộc đối với sinh viên ngành Quản trị kinh doanh. Trên cơ sở các kiến thức căn bản của học phần, sinh viên sẽ tiếp cận được kiến thức của các học phần khác trong chương trình đào tạo ở năm thứ ba.

### **10.36. Khởi sự kinh doanh**

Khởi sự kinh doanh là học phần quan trọng nhằm trang bị các kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp cho sinh viên. Tạo điều kiện thuận lợi để hỗ trợ sinh viên hình thành và hiện thực hóa các ý tưởng, dự án khởi nghiệp, góp phần định hướng nghề nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Học phần Khởi sự kinh doanh nằm trong khối kiến thức bắt buộc của ngành Quản trị kinh doanh. Nội dung học phần này đề cập đến những kiến thức cơ bản liên quan đến môi trường kinh doanh, những tố chất, kỹ năng cần có của chủ doanh nghiệp; cách hình thành và phương pháp lựa chọn ý tưởng kinh doanh, nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh và cách tạo lập doanh nghiệp, triển khai hoạt động kinh doanh.

### **10.37. Thống kê doanh nghiệp**

Học phần Thống kê doanh nghiệp là học phần bắt buộc của khối ngành, chuyên ngành Kinh tế và Quản trị Kinh doanh với nội dung nhằm cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp luận thống kê học trong nghiên cứu các hiện tượng kinh tế phát sinh trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để nhận thức và quản lý quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Cung cấp cho sinh viên kỹ năng tổng hợp, phân tích số liệu của các hiện tượng nhằm phản ánh quá trình sản xuất của doanh nghiệp

### **10.38. Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp**

Học phần Đạo đức kinh doanh và Văn hóa doanh nghiệp được bố trí giảng dạy cho sinh viên năm thứ hai. Học phần Đạo đức kinh doanh và Văn hóa doanh nghiệp được thiết kế thành 5 chương, trong đó; Chương 1 và Chương 2 bàn về một số vấn đề chung về đạo đức và đạo đức kinh doanh; Xây dựng đạo đức kinh doanh. Từ Chương 3 đến Chương 5 trình bày nội dung cốt lõi của Văn hoá doanh nghiệp, Xây dựng văn hoá doanh nghiệp; Văn hoá trong các hoạt động kinh doanh. Học phần không chỉ đề cập tới những khái niệm văn bản về văn hóa và đạo đức kinh doanh mà các khái niệm này sẽ được phân tích trong mối liên hệ với các hoạt động và vấn đề quan trọng khác trong quản trị doanh nghiệp như: chiến lược, nhân lực, thương hiệu và lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp. Từ đó, người học có được cái nhìn tổng thể và hệ thống về văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh.

### **10.39. Toán kinh tế**

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về bài toán quy hoạch tuyến tính (từ bài toán thực tế đến mô hình), các phương pháp tiếp cận giải bài toán quy hoạch tuyến tính, phương pháp đơn hình, phương pháp đơn hình đối ngẫu và trường hợp suy biến của bài toán; ứng dụng của quy hoạch tuyến tính, phương pháp giải bài toán vận tải, thuật toán thế vị.

### **10.40. Quản trị tài chính**

Học phần quản trị tài chính bao gồm 5 chương đề cập đến những vấn đề cơ bản trong công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp như: quản trị vốn cố định, vốn lưu động của doanh nghiệp, giá trị theo thời gian của tiền tệ, nguồn tài trợ của doanh nghiệp, cơ cấu vốn và chi phí sử dụng vốn, đầu tư dài hạn của doanh nghiệp.

### **10.41. Thị trường chứng khoán**

Học phần Thị trường chứng khoán trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán: vai trò của thị trường chứng khoán đối với nền kinh tế thị trường, các loại thị trường chứng khoán; hàng hoá, chủ thể của thị trường chứng khoán; các quy định cơ bản về phát hành chứng khoán trên thị trường sơ cấp; cơ chế vận hành, những quy định của Sở giao dịch chứng khoán ở Việt Nam.

### **10.42. Kinh tế quốc tế**

Học phần này là học phần tự chọn của khối kiến thức ngành quản trị kinh doanh, trang bị kiến thức về lý thuyết và các chính sách mậu dịch quốc tế nhưng mới dừng ở những nội dung cơ bản với yêu cầu sinh viên phải nắm được các lý thuyết, các công cụ can thiệp vào mậu dịch tự do cũng như các hình thức liên kết kinh tế quốc tế, sự dịch chuyển nguồn lực quốc tế, tài chính quốc tế và vận dụng nó để giải các bài tập liên quan đến nội dung các chương. Việc hiểu và vận dụng tốt kiến thức môn học sẽ là nền tảng khoa học để tiếp tục học tập, nghiên cứu sâu hơn các môn học liên quan khác.

### **10.43. Kinh tế phát triển**

Học phần mở đầu với việc phân tích sự phân phối thu nhập trên thế giới, so sánh mức sống của các nhóm quốc gia khác nhau và phân loại các nhóm nước trên thế giới, đồng thời so sánh trình độ phát triển các nhóm quốc gia đó. Chương 2 đề cập đến các mô hình tăng trưởng kinh tế. Chương 3 tập trung tới chỉ tiêu đánh giá phúc lợi con người, vấn đề nghèo đói và bất bình đẳng tại các quốc gia đang phát triển. Chương 4 phân tích vai trò của các nguồn lực kinh tế đối với sự phát triển kinh tế trong đó có nguồn lao động, tài nguyên thiên nhiên, vốn và khoa học công nghệ. Chương cuối cùng phân tích vai trò của ngoại thương đối với phát triển kinh tế đặc biệt nghiên cứu các chiến lược ngoại thương ở các quốc gia đang phát triển.

### **10.44. Quản trị kinh doanh nhà hàng**



Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về hệ thống hoạt động đặc trưng của khách sạn và một số các phương pháp quản lý hoạt động trong các bộ phận quan trọng của bộ phận lễ tân. Bên cạnh đó, sinh viên có khả năng phân tích được các đặc tính khác biệt của việc kinh doanh phòng và các dịch vụ khách trong khách sạn. Đồng thời sinh viên có khả năng dự đoán, quản lý và điều chỉnh hoạt động của khách sạn đi theo hướng kinh doanh có lợi nhuận nhất.

Học phần Quản lý kinh doanh nhà hàng là học phần bổ trợ ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh. Đây là học phần bắt buộc đối với sinh viên ngành Quản trị kinh doanh. Trên cơ sở các kiến thức căn bản của học phần, sinh viên sẽ tiếp cận được kiến thức của các học phần khác trong chương trình đào tạo ở năm thứ ba.

#### **10.45. Quản trị chiến lược**

Là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức khái quát về quản trị chiến lược, quy trình quản trị chiến lược. Hướng dẫn sinh viên cách thức phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ của từng doanh nghiệp; giới thiệu công cụ để phân tích và lựa chọn chiến lược, quy trình lựa chọn chiến lược; các chiến lược cấp doanh nghiệp, cấp đơn vị kinh doanh, cấp chức năng và chiến lược mang tính toàn cầu hóa; nội dung các bước của việc tổ chức thực hiện chiến lược, kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chiến lược.

#### **10.46. Quản trị nhân sự**

Học phần quản trị nhân sự giới thiệu các chức năng quản trị nhân sự nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cần thiết để quản lý con người trong doanh nghiệp hiệu quả, bao gồm bốn lĩnh vực chủ yếu: hoạch định nguồn nhân lực, thu hút và tuyển chọn, đào tạo và phát triển, và duy trì – quản lý. Bên cạnh đó, sinh viên được trao dồi các kỹ năng quản lý như phân tích công việc, đánh giá kết quả làm việc, phỏng vấn ứng viên... Hoàn tất môn học, sinh viên sẽ có đủ khả năng dự đoán và giải quyết các vấn đề liên quan đến sử dụng lao động trong một tổ chức.

#### **10.47. Quản trị bán hàng**

Quản trị bán hàng là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức kiến thức ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị bán hàng trong doanh nghiệp như: Khái luận về bán hàng và quản trị bán hàng; Xây dựng kế hoạch bán hàng; Tổ chức bán hàng; Kiểm soát bán hàng; Tổ chức các hoạt động hỗ trợ bán hàng. Học phần được xem là nền tảng cho việc học phần chuyên sâu thuộc ngành Quản trị kinh doanh.

#### **10.48. Quản trị sản xuất**

Quản trị sản xuất là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh tổng hợp. Học phần bao gồm các nội dung: bản chất quản trị sản xuất; lịch sử và xu hướng phát triển các lý thuyết quản trị sản xuất; dự báo nhu cầu sản phẩm và các phương pháp dự báo; lựa chọn quá trình sản xuất và hoạch định công suất; lựa chọn địa điểm sản xuất và bố trí mặt bằng sản xuất; hoạch định tổng hợp; lập lịch trình và điều phối sản xuất; điều độ sản xuất trong doanh nghiệp; các mô hình quản trị dự trữ; kiểm soát chất lượng sản phẩm và cải tiến chất lượng sản phẩm.

#### **10.49. Quản trị Marketing**

Quản trị marketing là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức kiến thức ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh. Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về quản trị marketing như các quan điểm quản trị marketing, các khái niệm, vai trò và tầm quan trọng của hoạt động quản trị marketing với doanh nghiệp. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các kiến thức chuyên sâu về: Kế hoạch hóa chiến lược và quá trình quản trị marketing, Hệ thống trợ giúp ra quyết định, môi trường marketing, khách hàng của doanh nghiệp, phân đoạn thị trường và các chiến lược marketing theo thị trường mục tiêu, quản trị chiến lược sản phẩm, quản trị chiến lược giá, chiến lược phân phối, xúc tiến bán. Học phần được xem là nền tảng cho việc học phần chuyên sâu thuộc ngành Quản trị kinh doanh.

#### **10.50. Quản trị chất lượng**

Học phần Quản trị chất lượng cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chất lượng và quản lý chất lượng bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Các phương pháp quản lý chất lượng; Các kỹ thuật và công cụ quản lý chất lượng; Các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn; Phương pháp quản lý chất lượng toàn diện - TQM; Các quan điểm về chất lượng, mô hình chi phí chất lượng, nội dung của quản lý chất lượng toàn diện, trình bày các kỹ thuật kiểm soát quá trình bằng thống kê, đánh giá chất lượng, các nguyên lý cơ bản của một hệ thống quản lý chất lượng và một số tiêu chuẩn về hệ thống quản lý chất lượng phổ biến hiện nay.

Học phần Quản trị chất lượng thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh. Đây là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Trên cơ sở các kiến thức căn bản của học phần, sinh viên sẽ tiếp cận được kiến thức của các học phần khác trong chương trình đào tạo ở năm thứ ba.

#### **10.51. Phân tích hoạt động kinh doanh**

Phân tích hoạt động kinh doanh nghiên cứu, đánh giá toàn bộ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp căn cứ vào các tài liệu hạch toán, bằng cách phân tích tổng hợp, so sánh số liệu và phân giải mối liên hệ nhằm làm rõ chất lượng hoạt động kinh doanh, các nguồn tiềm năng cần được khai thác; trên cơ sở đó đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Học phần này gồm 6 chương, trang bị những kiến thức cơ bản như: những vấn đề cơ bản của phân tích kinh tế trong doanh nghiệp; phân tích kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; phân tích tình hình sử dụng các yếu tố đầu vào trong hoạt động sản xuất kinh doanh; phân tích chi phí sản xuất kinh doanh và giá thành sản phẩm; phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và lợi nhuận của doanh nghiệp; phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp.

#### **10.52. Kế toán tài chính**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các đối tượng kế toán như: Kế toán Vật tư, TSCĐ, Tiền lương và các khoản trích theo lương, tập hợp chi phí tính giá thành sản phẩm hoàn thành, kế toán thành phẩm, tiêu thụ xác định kết quả kinh doanh và phân phối kết quả kinh doanh, kế toán vốn bằng tiền, các khoản ứng trước, quan hệ thanh toán, dự phòng thanh toán, kế toán nguồn vốn chủ sở hữu, vốn vay và lập Báo cáo tài chính. Ở mỗi đối tượng nêu rõ Khái niệm, đặc điểm, nhiệm vụ, kế toán chi tiết, kế toán tổng hợp và theo một quy trình từ chứng từ, tài khoản sử dụng phương pháp hạch toán và tình huống minh họa giúp sinh viên khái quát được toàn bộ công việc của từng đối tượng kế toán trong doanh nghiệp.

#### **10.53. Chuyên đề thực tế**

Chuyên đề thực tế là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm tạo điều kiện cho sinh viên ngành Quản trị kinh doanh có cơ hội tìm hiểu về cơ chế hoạt động, quy định chung tại đơn vị thực tập, phương thức điều hành, làm quen với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị thực tập; vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào thực hành quản trị kinh doanh tại các đơn vị thực tập; trải nghiệm vào thực tế công việc chuyên môn; tổng hợp báo cáo và phân tích về các vấn đề quản trị kinh doanh thực tế phát sinh tại các đơn vị thực tập; đánh giá, nhìn nhận và đưa ra các giải pháp để giải quyết các vấn đề quản trị kinh doanh.

#### **10.54. Tiếng Anh chuyên ngành QTKD**

- Học phần tiếng Anh chuyên ngành quản trị kinh doanh được dạy vào học kỳ 4 cho sinh viên chuyên ngành Kinh tế, sau khi sinh viên đã hoàn thành hai học phần Tiếng Anh cơ bản 1,2.

- Học phần tiếng Anh chuyên ngành quản trị kinh doanh cung cấp cho sinh viên hệ thống từ vựng và cấu trúc ngữ pháp cơ bản liên quan đến chuyên ngành kinh tế. Ngoài ra, học phần cũng trang bị cho sinh viên các kỹ năng đọc hiểu, nghe, nói và viết về các chủ đề kinh tế cơ bản và thương mại nói trên.

- Học Phần TACN giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập và kỹ năng tìm kiếm và phân tích thông tin thông qua các hoạt động bài tập trong bài học.

### **10.55. Tiếng Nhật nâng cao**

#### **Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:**

- Chữ Kanji thường dùng.
- Ngữ pháp: Danh từ, động từ, tính từ ở các thể lịch sự và thể thông thường, các thể của động từ: Thể khả năng, thể bắt buộc, thể nguyên dạng, thể quá khứ.
- Từ vựng: Chủ đề cơ thể và bệnh tật, sở thích, văn hoá truyền thống và giải trí.
- Kỹ năng: Luyện tập nghe, ói, đọc, viết sử dụng các cấu trúc trong bài học, biểu thị kinh nghiệm, trải nghiệm và miêu tả sự biến đổi, phát triển của sự vật, hiện tượng, mệnh lệnh phủ định, sự bắt buộc hoặc không cần thiết thực hiện hành động, câu thăm hỏi, đưa lời mời, mô tả khả năng, sở thích hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi.

### **10.56. Hệ thống thông tin quản lý**

Học phần “Hệ thống thông tin quản lý” gồm 6 chương (3 tín chỉ) nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về thông tin, thông tin kinh tế, hệ thống thông tin, hệ thống thông tin kinh tế, hệ thống thông tin quản lý; Nâng cao được kỹ năng việc thu thập, trình bày và phân tích dữ liệu một cách có khoa học và trình tự, giúp người quản lý quản lý công việc một cách hiệu quả nhất, có những quyết định một cách tổng quát và chính xác trong công việc; Xác định được hiệu quả kinh tế của hệ thống thông tin quản lý (HTTTQL).

### **10.57. Kinh tế bất động sản**

Học phần này cung cấp những kiến thức chuyên môn cần thiết về pháp luật bất động sản, môi giới phát triển bất động sản. Có kiến thức chuyên sâu về Marketing và kỹ năng bán hàng hóa là bất động sản, hoạch định chiến lược kinh doanh bất động sản. Kiến thức về tài chính để định giá bất động sản, phân tích lập và thẩm định dự án đầu tư bất động sản, tính toán được hiệu quả đầu tư bất động sản, quản lý, điều hành dự án đầu tư kinh doanh bất động sản.

Học phần Kinh tế bất động sản thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành quản trị kinh doanh. Đây là học phần tự chọn đối với sinh viên chuyên ngành trên. Trên cơ sở các kiến thức căn bản của học phần, sinh viên sẽ tiếp cận được kiến thức của các học phần khác trong chương trình đào tạo ở năm thứ 4

### **10.58. Tâm lý quản lý**

Học phần Tâm lý quản lý là học phần tự chọn trong khối kiến thức bổ trợ ngành, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về tâm lý học quản lý bao gồm: tâm lý người lao động, tâm lý nhà quản lý. Từ đó ứng dụng trong quá trình tuyển dụng, sử dụng nguồn nhân lực. Đồng thời giúp các nhà quản lý tự đánh giá, điều chỉnh hành vi lựa chọn và lựa chọn phong cách lãnh đạo sao cho phù hợp.

### **10.59. Thương mại điện tử**

Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản về thương mại điện tử: khái niệm, mô hình thương mại điện tử, sự khác nhau giữa thương mại điện tử và thương mại truyền thống, những lợi ích và rủi ro khi thực hiện thương mại điện tử, tìm hiểu các chiến lược xây dựng thương mại điện tử cho các mô hình tổ chức, doanh nghiệp khác nhau. Các kỹ thuật ứng dụng CNTT trong thương mại điện tử: thiết kế web, xây dựng hệ thống thanh toán. Quy định, pháp luật trong giao dịch điện tử và vấn đề an ninh trong giao dịch TMĐT, ...

### **10.60. Marketing dịch vụ**

Marketing dịch vụ là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp. Học phần cung cấp kiến thức về đặc điểm, đặc trưng của marketing dịch vụ, quản lý dịch vụ, cân bằng cung cấp dịch vụ, đánh giá chất lượng dịch vụ, đổi mới dịch vụ, sử dụng marketing dịch vụ để tối ưu hóa dịch vụ và quản trị marketing trong lịch vực dịch vụ. Nội dung môn học cũng tập trung vào những yếu tố đặc thù của marketing dịch vụ như hành vi khách hàng, marketing hỗn hợp 7Ps trong dịch vụ bao gồm các nhóm biện pháp về sản phẩm, giá cả, phân phối, truyền thông, con người, quy trình dịch vụ và bằng chứng vật chất.

### **10.61. Học phần thực tập tốt nghiệp**

Học phần thực tập tốt nghiệp thuộc khối kiến thức chuyên ngành giúp cho sinh viên củng cố những kiến thức lý thuyết, kỹ năng đã được học tập ở nhà trường; vận dụng kiến thức đã

học vào công tác quản trị thực tế tại cơ sở sản xuất, doanh nghiệp; tạo điều kiện cho sinh viên ngành Quản trị kinh doanh có cơ hội tiếp cận với môi trường làm việc, phương thức tổ chức sản xuất, quản lý điều hành, tổ chức bộ máy kế toán tại đơn vị thực tập; rèn luyện khả năng giao tiếp, làm việc độc lập, làm việc nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.

#### **10.62. Khóa luận tốt nghiệp**

Khóa luận tốt nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức thực tập tốt nghiệp. Học phần giúp sinh viên tổng hợp các kiến thức của ngành Quản trị kinh doanh trong việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể. Học phần giúp sinh viên có điều kiện rèn luyện kỹ năng, phương pháp, nghiên cứu và đưa ra các giải pháp phù hợp, phát huy tinh thần tự học, tự nghiên cứu và trách nhiệm trong hoạt động học tập của người học.

#### **10.63. Quản trị doanh nghiệp**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về các hoạt động quản trị kinh doanh, mối quan hệ với các chức năng quản trị khác, các nhân tố ảnh hưởng đến lựa chọn quá trình sản xuất kinh doanh; Các quy luật, nguyên tắc và phương pháp quản trị kinh doanh; Tổ chức và quản lý các yếu tố sản xuất trong doanh nghiệp; Kế hoạch hóa trong doanh nghiệp; từ đó giúp sinh viên hướng giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tế.

Học phần Quản trị doanh nghiệp là học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp của chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh. Đây là học phần bắt buộc đối với sinh viên ngành Quản trị kinh doanh.

#### **10.64. Quản trị chuỗi cung ứng**

Học phần Quản trị chuỗi cung ứng là học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp nhằm trang bị kiến thức có hệ thống về bản chất, vai trò của quản trị chuỗi cung ứng, hoạt động điều hành chuỗi cung ứng, công nghệ thông tin ứng dụng trong điều hành chuỗi cung ứng và các kỹ thuật xây dựng hệ thống quản trị chuỗi cung ứng mối liên hệ với các hoạt động và vấn đề quan trọng khác trong quản trị doanh nghiệp như: thống kê trong doanh nghiệp, phương pháp định lượng, marketing, kinh doanh quốc tế, đàm phán trong kinh doanh...

#### **10.65. Quản trị thương hiệu**

Học phần Quản trị chuỗi cung ứng là học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp nhằm trang bị kiến thức có hệ thống về bản chất, vai trò của quản trị chuỗi cung ứng, hoạt động điều hành chuỗi cung ứng, công nghệ thông tin ứng dụng trong điều hành chuỗi cung ứng và các kỹ thuật xây dựng hệ thống quản trị chuỗi cung ứng mối liên hệ với các hoạt động và vấn đề quan trọng khác trong quản trị doanh nghiệp như: thống kê trong doanh nghiệp, phương pháp định lượng, marketing, kinh doanh quốc tế, đàm phán trong kinh doanh...

### **9. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP**

#### **9.1. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp**

Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh có thể làm việc phù hợp và tốt tại các bộ phận sau của tổ chức: (1) Bộ phận quản trị dự án kinh doanh, chính sách và kế hoạch kinh doanh; (2) Bộ phận tổ chức và quản trị nhân lực, quản trị tác nghiệp của doanh nghiệp; (3) Các bộ phận thuộc chức năng, quá trình quản trị kinh doanh khác ở các doanh nghiệp; (4) Các bộ phận liên quan đến các vấn đề quản trị kinh doanh ở các tổ chức kinh tế, tổ chức phi lợi nhuận, các viện nghiên cứu, các trường trung học nghề, cao đẳng, đại học; (5) Các bộ phận có liên quan đến quản lý thị trường và thương mại ở các cơ quan quản lý nhà nước các cấp; (6) Tự khởi nghiệp kinh doanh.

#### **9.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường**

- Có khả năng học tập, nâng cao trình độ cao hơn thuộc ngành đã được đào tạo;
- Có khả năng học tập, nghiên cứu, triển khai các phương pháp quản lý trong tổ chức;
- Có khả năng tự học để thích ứng với môi trường làm việc và khả năng học tập suốt đời.

### **10. Hướng dẫn thực hiện**

10.1. Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.

10.2. Sinh viên nhập học được đăng ký học mặc định trong học kỳ 1, các học kỳ sau sinh viên đăng ký học theo các hình thức quy định trong quy chế đào tạo (Tự đăng ký hoặc khoa đăng ký sinh viên kiểm tra điều chỉnh) theo kế hoạch giảng dạy của trường. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng học kỳ, sinh viên có thể đăng ký học trước hoặc sau các học phần, không bắt buộc theo trình tự của kế hoạch dự kiến nếu đáp ứng các điều kiện của học phần đăng ký.

10.3. Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.

10.4. Nội dung cần đạt được của từng học phần được mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

10.5. Khối lượng kiến thức tín chỉ (lý thuyết/thảo luận/thực hành)/tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.

**KHOA KINH TẾ - QTKD**

**Vũ Thị Vân**